

BẢN CÔNG BỐ

**Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là
cơ sở hướng dẫn thực hành theo Nghị định 96/2023/NĐ-CP**

Tên cơ sở hướng dẫn thực hành: Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng
Số giấy phép hoạt động: 157/BYT-GPHĐ. Cơ quan cấp: Bộ Y tế ngày 22 tháng 9 năm 2025.

Địa chỉ: Số 124 đường Nguyễn Đức Cảnh, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

Người chịu trách nhiệm chuyên môn: TS.BSNT. Hoàng Văn Dũng

Điện thoại liên hệ: 0225.3955888. Email: dakhoaquocte.hih@gmail.com

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành theo quy định với các nội dung sau đây:

1. Đối tượng hướng dẫn thực hành:

- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề Y khoa
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học dự phòng
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Nội khoa
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại khoa
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Da liễu
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Phục hồi chức năng
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Hồi sức cấp cứu
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Gây mê hồi sức
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ung bướu
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Mắt
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Tai mũi họng
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Xét nghiệm
- Chức danh bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Giải phẫu bệnh
- Chức danh điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng
- Chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học
- Chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng



- Chức danh kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học
- 2. Danh sách người hướng dẫn thực hành (theo Phụ lục 01).
- 3. Các nội dung thực hành được ký hợp đồng hợp tác với cơ sở thực hành khác:
 - Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên môn Sản, Nhi kèm theo Hợp đồng hợp tác số 01/2024/HĐ-BVĐKQTHP-BVQTSN ngày 01 tháng 04 năm 2024 với Bệnh viện quốc tế Sản Nhi Hải Phòng (đính kèm)
 - Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên môn Tâm thần kèm theo Hợp đồng hợp tác số 156/2026/HĐHDTHTT-BVSKTTHP-BVĐKQTHP ngày 29 tháng 01 năm 2026 với Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Hải Phòng (đính kèm)
 - Thực hành khám bệnh, chữa bệnh chuyên môn Y học cổ truyền kèm theo Hợp đồng hợp tác số 09/2026/HĐHDTHTHCT-BVYHCTHP-BVĐKQTHP ngày 05 tháng 05 năm 2026 với Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng (đính kèm)
- 4. Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận để hướng dẫn thực hành (Phụ lục 02).
- 5. Chi phí hướng dẫn thực hành: 1.000.000 đồng/người/tháng (Một triệu đồng/ người/tháng).

Bệnh viện đa khoa quốc tế Hải Phòng cam kết và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã công bố.

Kính đề nghị Lãnh đạo Sở Y tế xem xét, đăng tải thông tin theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Y tế;
- P. TCCB SYT;
- Lưu VT, TCHC, ĐT-QLCL./.



GIÁM ĐỐC

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
TS.BSNT Hoàng Văn Dũng

TỔNG CÔNG TY HÀNG KÊNH - CTCP
BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ HẢI PHÒNG

PHỤ LỤC 01
DANH SÁCH NGƯỜI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ HẢI PHÒNG
(Kèm theo Bản công bố số: ~~42~~/BCB-BVĐKQTHP ngày 08. tháng 07 năm 2026)

STT	Họ tên	Khoa/phòng	Văn bằng chuyên môn	Số chứng chỉ hành nghề	Phạm vi hoạt động chuyên môn ghi trong CCHN	Ngày cấp CCHN	Nơi cấp CCHN	Đối tượng hướng dẫn thực hành
I	HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHUYÊN KHOA NỘI KHOA							
1.	Phạm Đắc Thế	Khoa Nội tổng hợp 1	Tiến sĩ. Bác sĩ nội trú	0025938/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	06/02/2015	Bộ Y tế	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
2.	Nguyễn Đức Chí	Khoa Nội tổng hợp 1	Thạc sĩ. Bác sĩ nội trú	010051/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	13/10/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
3.	Nguyễn Thị Hiền	Khoa Nội tổng hợp 1	BSCK I	009610/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	20/01/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
4.	Phạm Thị Xinh	Khoa Nội tổng hợp 1	Thạc sĩ. Bác sĩ nội trú	010748/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	19/11/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
5.	Vũ Thị Hương	Khoa Nội tổng hợp 1	Thạc sĩ. Bác sĩ	000989/HD-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh nội khoa và chuyên	09/07/2013	Sở Y tế Hải	Hướng dẫn thực hành cho đối

					khoa lao		Dương	tượng bác sĩ
				49/QĐ-SYT	Hồi sức cấp cứu và chống độc	21/01/2020	Sở Y tế Hải Dương	
6.	Đỗ Thị Kim Anh	Khoa Nội tổng hợp 1	Thạc sĩ. Bác sĩ nội trú	013064/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	18/04/2023	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
7.	Vũ Thị Hồng	Khoa Nội tổng hợp 1	BSCK I	010629/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	27/08/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
8.	Trần Tuấn Anh	Khoa Nội tổng hợp 1	BSCK I	0008321/HD-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	20/03/2020	Sở Y tế Hải Dương	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
9.	Nguyễn Thị Hiên	Khoa Nội tổng hợp 2	BSCK I	007333/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	07/10/2015	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
10.	Đinh Thị Phương	Khoa Nội tổng hợp 2	BSCK I	007335/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	07/10/2015	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
11.	Trần Thị Trang	Khoa Nội tổng hợp 2	BSCK I	001566/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	10/05/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
12.	Nguyễn Đức Du	Khoa Nội tổng hợp 2	BSCK I	004865/HP-CCHN	KB,CB Nội khoa	15/03/2014	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối

								tượng bác sĩ
13.	Nguyễn Bá Ngọc Sơn	Khoa Nội tổng hợp 2	Thạc sĩ. Bác sĩ	011148/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh Nội khoa	22/09/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
14.	Hoàng Thị Hiền	Khoa Tiêu hóa	BSCK II	003151/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	05/12/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
15.	Phạm Thị Thảo	Khoa Tiêu hóa	BSCK I	003163/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	17/12/2013	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
16.	Hoàng Dung	Khoa Tiêu hóa	BSCK I	007938/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	06/11/2015	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
17.	Nguyễn Thị Bình	Khoa Tiêu hóa	BSCK I	005332/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	17/04/2014	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
18.	Lý Thùy Linh	Khoa Tiêu hóa	BSCK I	008430/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	23/12/2015	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
19.	Lưu Mạnh Cường	Khoa Tiêu hóa	Thạc sĩ. Bác sĩ nội trú	010859/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	04/03/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
20.	Vũ Học Huấn	Khoa Tim mạch	Thạc sĩ. Bác sĩ nội trú	019940/HNO-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	09/05/2016	Sở Y tế Hà Nội	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ

21.	Nguyễn Văn Tăng	Khoa Tim mạch	BSCK I	003574/HP-CCHN	KB,CB Nội khoa	06/01/2014	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
22.	Phạm Văn Thuận	Khoa Tim mạch	Thạc sĩ. Bác sĩ nội trú	011510/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	13/04/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
23.	Nguyễn Thị Huệ	Khoa Tim mạch	BSCK I	003333/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	25/12/2013	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
24.	Nguyễn Công Dương	Khoa Tim mạch	BSCK I	002393/ĐB-CCHN	Khám chữa bệnh chuyên khoa Nội Tim mạch	20/06/2017	Sở Y tế Điện Biên	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
25.	Trịnh Thị Hằng	Khoa Tim mạch	Thạc sĩ. Bác sĩ	001498/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	28/04/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
26.	Vũ Xuân Tuyền	Khoa Thần kinh – Đột quỵ	Thạc sĩ. Bác sĩ	000900/HP-CCHN	KB, CB Nội tổng hợp	15/10/2012	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
27.	Trần Thị Khánh Lệ	Khoa Thần kinh – Đột quỵ	BSCK I	008546/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	23/11/2015	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
28.	Trần Thị Thanh Hương	Khoa Thần kinh – Đột quỵ	BSCK I	005935/HP-CCHN	KB, CB Nội thần kinh	17/02/2023	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ

29.	Bùi Hồng Nhung	Khoa Thần kinh – Đột quỵ	Thạc sĩ. Bác sĩ	034537/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội tổng hợp	14/07/2017	Bộ Y tế	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
30.	Lê Thị Hồng Hoa	Khoa Thần kinh – Đột quỵ	BSCK I	010528/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	09/07/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
31.	Nguyễn Đình Duy	Khoa Thần kinh – Đột quỵ	BSCK I	011071/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Nội	01/07/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
II HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHUYÊN KHOA NGOẠI KHOA								
1.	Phạm Việt Hà	Khoa Ngoại thận tiết niệu nam học	Tiến sĩ. Bác sĩ nội trú	0013922/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	26/12/2013	Bộ Y tế	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
2.	Phạm Minh Đức	Khoa Ngoại thận tiết niệu nam học	Thạc sĩ. Bác sĩ nội trú	010374/HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Ngoại	19/04/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
3.	Đình Thế Hùng	Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	Tiến sĩ. Bác sĩ	005410/HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Ngoại	20/04/2014	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
4.	Tiêu Đức Cường	Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	BSCK I	010520/HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Ngoại	29/06/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
5.	Vũ Đức Đạt	Khoa Ngoại chấn thương	Thạc sĩ. Bác sĩ	0006694/HD-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh ngoại	05/07/2016	Sở Y tế Hải	Hướng dẫn thực hành cho đối

		chính hình			khoa		Dương	tượng bác sĩ
6.	Nguyễn Mạnh Thuần	Khoa Ngoại chấn thương chính hình	BSCK I	007142/HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Ngoại	30/07/2015	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
7.	Mạc Thanh Tú	Khoa Ngoại chấn thương chính hình	BSCK I	010747/HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Ngoại	19/11/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
8.	Nguyễn Hoàng Long	Khoa Ngoại chấn thương chính hình	Thạc sĩ. Bác sĩ	012257/HP- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	24/05/2021	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
9.	Trần Hữu Vinh	Khoa Ngoại tổng hợp	Phó giáo sư. Tiến sĩ. Bác sĩ	0012647/BYT- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	26/12/2013	Bộ Y tế	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
10.	Nguyễn Thái Bình	Khoa Ngoại tổng hợp	Thạc sĩ. Bác sĩ	008740/HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Ngoại	12/03/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
11.	Trần Thành Trung	Khoa Ngoại tổng hợp	BSCK I	010210/HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Ngoại	11/12/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
12.	Nguyễn Đình Hoàn	Khoa Ngoại tổng hợp	BSCK I	011764/HP- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	16/07/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
13.	Đào Đăng Sơn	Khoa Ngoại	Thạc sĩ. Bác sĩ	032453/BYT-	Khám bệnh, chữa bệnh	04/04/2017	Bộ Y tế	Hướng dẫn thực hành cho đối

		tổng hợp		CCHN	chuyên khoa Ngoại			tượng bác sĩ
14.	Vũ Văn Huy	Khoa Ngoại tổng hợp	Thạc sĩ. Bác sĩ	011843/HP- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ngoại	13/08/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
III HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHUYÊN KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU								
1.	Lê Đức Mạnh	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	BSCK I	007451/HP- CCHN	KB, CB Nội khoa	15/10/2015	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
				819/QĐ-SYT	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	18/07/2022	Sở Y tế Hải Phòng	
2.	Trần Thị Thanh Thủy	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	BSCK II	004246/HP- CCHN	Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	24/02/2014	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
				554/QĐ-SYT	Khám chữa bệnh Nội khoa	03/06/2016	Sở Y tế Hải Phòng	
3.	Nguyễn Việt Anh	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	Bác sĩ đa khoa/ CKĐH Hồi sức cấp cứu	012171/HP- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	26/02/2021	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
4.	Nguyễn Thị Minh Hào	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	Thạc sĩ. Bác sĩ	009800/HP- CCHN	Chuyên khoa HSCC	01/06/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
5.	Vũ Thị Vui	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	Thạc sĩ. Bác sĩ	009860/HP- CCHN	Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	10/07/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ

IV	HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHUYÊN KHOA DA LIỄU							
1.	Đào Mạnh Khoa	Khoa Khám bệnh	BSCK II	000759/HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Da liễu	17/09/2012	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
2.	Bùi Thị Hà Anh	Khoa Khám bệnh	BSCK I	010408/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Da liễu	31/05/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
V	HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHUYÊN KHOA TAI MŨI HỌNG							
1.	Vũ Văn Sản	Khoa Tai mũi họng	Phó giáo sư. Tiến sĩ. Bác sĩ	0025024/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	12/12/2014	Bộ Y tế	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
2.	Tạ Hùng Sơn	Khoa Tai mũi họng	Thạc sĩ. Bác sĩ	0012527/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	26/12/2013	Bộ Y tế	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
3.	Phùng Thị Vân Anh	Khoa Tai mũi họng	Thạc sĩ. Bác sĩ	0012592/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	26/12/2013	Bộ Y tế	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
4.	Trần Thị Thanh Thúy	Khoa Tai mũi họng	Thạc sĩ. Bác sĩ	029339/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	11/03/2016	Bộ Y tế	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
5.	Vũ Thị Hải Yến	Khoa Tai mũi họng	BSCK I	001540/HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Tai – Mũi – Họng	20/02/2013	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ

6.	Vũ Thị Tâm Uyên	Khoa Tai mũi họng	Thạc sĩ. Bác sĩ	0022771/BYT-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	19/08/2014	Bộ Y tế	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
7.	Phạm Thị Bích Trang	Khoa Tai mũi họng	Thạc sĩ. Bác sĩ nội trú	012455/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai mũi họng	15/02/2022	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
8.	Tô Thị Trang Anh	Khoa Tai mũi họng	Thạc sĩ. Bác sĩ nội trú	013075/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Tai Mũi Họng	18/04/2023	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
VI HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHUYÊN KHOA UNG BƯỚU								
1.	Nguyễn Đình Giang	Khoa Ung bướu	BSCK II	000205/HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Ung bướu	15/06/2022	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
2.	Phạm Xuân Lượng	Khoa Ung bướu	BSCK II	000710/HD-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Ung bướu	17/01/2013	Sở Y tế Hải Dương	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
VII HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHUYÊN KHOA GÂY MÊ HỒI SỨC								
1.	Nguyễn Ngọc Tuyền	Khoa Gây mê hồi sức	Thạc sĩ. Bác sĩ	003642/HP-CCHN	Chuyên khoa GMHS	24/02/2014	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
2.	Đỗ Đức Chiến	Khoa Gây mê hồi sức	BSCK I	009074/HP-CCHN	Chuyên khoa GMHS	01/07/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ

3.	Nguyễn Thị Thu Hương	Khoa Gây mê hồi sức	BSCK I	009502/HP-CCHN	KB, CB Nội khoa	15/12/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
				644/QĐ-SYT	Chuyên khoa GMHS	22/06/2017	Sở Y tế Hải Phòng	
4.	Phạm Thị Lanh	Khoa Gây mê hồi sức	Thạc sĩ. Bác sĩ	011532/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	12/05/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
5.	Lưu Hoàng Anh	Khoa Gây mê hồi sức	Thạc sĩ. Bác sĩ	011532/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Gây mê hồi sức	12/05/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ

VIII HƯỚNG DẪN THỰC CHUYÊN KHOA RĂNG HÀM MẶT

1.	Trần Thị Nhung	Liên chuyên khoa Răng hàm mặt – Mắt	BSCK I	001443/HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Răng – Hàm – Mặt	28/01/2013	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
2.	Quách Thị Nghĩa	Liên chuyên khoa Răng hàm mặt – Mắt	Thạc sĩ. Bác sĩ	002088/HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Răng – Hàm – Mặt	14/09/2013	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
3.	Lê Hồng Dương	Liên chuyên khoa Răng hàm mặt – Mắt	BSCK I	001516/HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Răng – Hàm – Mặt	30/01/2013	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
4.	Đào Thị Hằng	Liên chuyên khoa Răng hàm mặt – Mắt	Bác sĩ Răng hàm mặt	010209/HP-CCHN	KB, CB chuyên khoa Răng hàm mặt	11/12/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
5.	Đinh Ngọc Quân	Liên chuyên khoa Răng hàm	Bác sĩ Răng hàm mặt	011990/HP-CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa	09/11/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối

		mặt – Mắt			Răng hàm mặt			tượng bác sĩ
IX	HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHUYÊN KHOA MẮT							
1.	Hoàng Thị Hải Hà	Liên chuyên khoa Răng hàm mặt – Mắt	Thạc sĩ. Bác sĩ	002621/HNO- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	08/11/2012	Sở Y tế Hà Nội	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
2.	Dương Thị Thảo Trình	Liên chuyên khoa Răng hàm mặt – Mắt	Thạc sĩ. Bác sĩ	011511/HP- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Mắt	13/04/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
X	HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHUYÊN KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG							
1.	Vũ Thị Duyên Trang	Khoa Phục hồi chức năng	BSCK I	008575/HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Phục hồi chức năng	06/01/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
2.	Hoàng Thị Thu Trang	Khoa Phục hồi chức năng	Bác sĩ đa khoa/ CKĐH Phục hồi chức năng	011208/HP- CCHN	Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa Phục hồi chức năng	18/10/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
3.	Phạm Thị Tuyết Mai	Khoa Phục hồi chức năng	BSCK I	010323/HP- CCHN	KB, CB chuyên khoa Phục hồi chức năng	10/04/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
XI	HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH CHUYÊN KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH							
1.	Hoàng Đức Hạ	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức	Phó giáo sư. Tiến sĩ. Bác sĩ	000253/HP- CCHN	Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh	18/06/2012	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ

		năng						
2.	Đào Xuân Thành	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	BSCK I	000304/HP-CCHN	Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh	29/06/2012	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
3.	Phạm Hồng Minh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	BSCK II	004422/HP-CCHN	Chuyên khoa CDHA	28/02/2014	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
4.	Phạm Tuấn Anh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	BSCK I	000378/HD-CCHN	Chẩn đoán hình ảnh	21/03/2013	Sở Y tế Hải Dương	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
5.	Trịnh Bình Phương	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	BSCK I	000122/HP-CCHN	Phòng khám Chẩn đoán hình ảnh	23/04/2012	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
6.	Phạm Thị Giáng Hương	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	BSCK I	001782/HP-CCHN	KB, CB Nội tổng hợp	25/06/2013	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
				1304/QĐ-SYT	KB, CB chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	31/12/2015	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
7.	Nguyễn Thị Thắm	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	Thạc sĩ. Bác sĩ	008112/HP-CCHN	Chuyên khoa CDHA	23/11/2015	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ

[illegible]

1.	Nguyễn Thị Luân	Khoa Xét nghiệm	Thạc sĩ. Bác sĩ	010935/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm (Giải phẫu bệnh)	16/07/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
2.	Vũ Thị Huyền	Khoa Xét nghiệm	BSCK I	012201/HP-CCHN	Chuyên khoa Giải phẫu bệnh	11/03/2021	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng bác sĩ
XIV HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KỸ THUẬT Y PHỤC HỒI CHỨC NĂNG								
1.	Bùi Thu Thủy	Khoa Phục hồi chức năng	Cử nhân Phục hồi chức năng	010768/HP-CCHN	KTV Phục hồi chức năng	19/11/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y Phục hồi chức năng
2.	Phạm Trung Tới	Khoa Phục hồi chức năng	Cử nhân Phục hồi chức năng	010767/HP-CCHN	KTV Phục hồi chức năng	19/11/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y Phục hồi chức năng
3.	Trần Thị Sao	Khoa Phục hồi chức năng	Cử nhân Phục hồi chức năng	011397/HP-CCHN	Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng	15/02/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y Phục hồi chức năng
4.	Bùi Thị Linh	Khoa Phục hồi chức năng	Cử nhân Phục hồi chức năng	007928/HP-CCHN	Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng	08/11/2021	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y Phục hồi chức năng
5.	Hoàng Hồng Ánh	Khoa Phục hồi chức năng	Cử nhân Phục hồi chức năng	007929/HP-CCHN	Kỹ thuật viên Phục hồi chức năng	08/11/2021	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y

					năng			Phục hồi chức năng
6.	Nguyễn Thị Thúy	Khoa Phục hồi chức năng	Cử nhân Phục hồi chức năng	012221/HP-CCHN	KTV Phục hồi chức năng	01/04/2021	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y Phục hồi chức năng
XV HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KỸ THUẬT Y HÌNH ẢNH Y HỌC								
1.	Nguyễn Kim Hiếu	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	008467/HP-CCHN	KTV Chẩn đoán hình ảnh	23/12/2015	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y hình ảnh y học
2.	Nguyễn Hữu Bằng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	006454/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	29/09/2014	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y hình ảnh y học
3.	Nguyễn Tuấn Duy	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	008127/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	23/11/2015	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y hình ảnh y học
4.	Nguyễn Ngọc Huệ	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	009636/HP-CCHN	KTV hình ảnh y học	20/01/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y hình ảnh y học
5.	Vũ Quang Huy	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	005911/TB-CCHN	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	22/07/2016	Sở Y tế Thái Bình	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y hình ảnh y học

6.	Phạm Minh Hoàng	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	Cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học	012557/HP-CCHN	Kỹ thuật viên hình ảnh y học	06/05/2022	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y hình ảnh y học
XVI	HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KỸ THUẬT Y XÉT NGHIỆM Y HỌC							
1.	Nguyễn Thị Thu Trang	Khoa Xét nghiệm	Chuyên khoa I xét nghiệm y học	009510/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	15/12/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y xét nghiệm y học
2.	Nguyễn Đình Lập	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	002154/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	28/03/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y xét nghiệm y học
3.	Vũ Mạnh Hùng	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	001145/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	13/04/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y xét nghiệm y học
4.	Đỗ Thị Ngoan	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	009862/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	10/07/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y xét nghiệm y học
5.	Nguyễn Thị Như Quỳnh	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	010412/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	04/05/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y xét nghiệm y học
6.	Phạm Thị Hiên	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	010792/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	19/12/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y xét nghiệm y học

7.	Trịnh Thị Vân Anh	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	010749/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	19/11/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y xét nghiệm y học
8.	Nguyễn Văn Duy	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	011281/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	22/11/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y xét nghiệm y học
9.	Phạm Thị Hạnh	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	011279/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	22/11/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y xét nghiệm y học
10.	Bùi Diệu Linh	Khoa Xét nghiệm	Chuyên khoa I xét nghiệm y học	011311/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	06/01/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y xét nghiệm y học
11.	Nguyễn Thị Nhung	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	011312/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	06/01/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y xét nghiệm y học
12.	Trần Thị Thanh Xuân	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	011383/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	15/02/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y xét nghiệm y học
13.	Nguyễn Ngọc Hà	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	011310/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	06/01/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y xét nghiệm y học

14.	Phạm Thùy Dung	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	011716/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	22/06/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y xét nghiệm y học
15.	Nguyễn Việt Dũng	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	012028/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	26/11/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y xét nghiệm y học
16.	Đào Xuân Cường	Khoa Xét nghiệm	Cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học	010592/HP-CCHN	Chuyên khoa Xét nghiệm	08/08/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng kỹ thuật y xét nghiệm y học
XVII HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH ĐIỀU DƯỠNG								
1.	Nguyễn Thị Thoa	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	Cử nhân điều dưỡng	010926/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	05/04/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật y
2.	Đoàn Thị Mai Hương	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	Cử nhân điều dưỡng	012521/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức	14/04/2022	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật y

					danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
3.	Nguyễn Văn An	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	Cử nhân điều dưỡng	009408/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	29/11/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật y
4.	Nguyễn Thị Hải	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	Cử nhân điều dưỡng	008799/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	10/04/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật y
5.	Nguyễn Thị Thu Trang	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	Cử nhân điều dưỡng	010815/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề	10/01/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật y

					ng nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
6.	Lê Thị Hương	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	Cử nhân điều dưỡng	002153/HP- CCHN	Dịch vụ y tế	18/09/2013	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật y
7.	Nguyễn Mạnh Hùng	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	Cử nhân điều dưỡng	0008006/ĐNAI- CCHN	Thực hiện phạm vi hoạt động chuyên môn theo quy định tại Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc ban hành tiêu chuẩn nghiệp vụ các ngạch viên chức y tế điều dưỡng	17/03/2014	Sở Y tế Đồng Nai	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật y
8.	Nguyễn Thị Tuyền	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	Cử nhân điều dưỡng	010845/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	29/01/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật y

9.	Đoàn Thị Hà My	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	Cử nhân điều dưỡng	011319/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	06/01/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật y
10.	Ngô Ngọc Diệp	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	Cử nhân điều dưỡng	010597/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	08/08/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật y
11.	Phạm Thị Thu Trang	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	Cử nhân điều dưỡng	0027634/BYT- CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	28/09/2015	Bộ Y tế	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật y
12.	Lê Thị Thu Hà	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	Cử nhân điều dưỡng	012424/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu	13/12/2021	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật y



					chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
13.	Vũ Thị Huyền	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	Cử nhân điều dưỡng	012508/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	07/04/2022	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng, kỹ thuật y
14.	Đỗ Thị Kim Liên	Khoa Khám bệnh	Thạc sĩ điều dưỡng	009121/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	20/07/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
15.	Nguyễn Thị Huệ	Khoa Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	009089/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức	01/07/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
16.	Nguyễn Thị Phương	Khoa Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	009401/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	29/11/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
17.	Phạm Thu Thùy	Khoa Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	010761/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	19/11/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
18.	Nguyễn Thị Thùy	Khoa Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	010760/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề	19/11/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					ng nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
19.	Phạm Thị Nhung	Khoa Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	010795/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề ng nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	19/12/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
20.	Trần Thị Thu Đông	Khoa Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	010794/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề ng nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	19/12/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
21.	Nguyễn Thị Vui	Khoa Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	011019/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề ng nghiệp, điều	27/05/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
22.	Lâm Thị Khánh Hòa	Khoa Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	010852/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	28/02/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
23.	Vũ Thị Xoan	Khoa Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	010905/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	29/03/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
24.	Mạc Thùy Dung	Khoa Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	010851/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều	28/02/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
25.	Nguyễn Thị Dung	Khoa Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	011274/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	22/11/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
26.	Trần Thị Huyền Trang	Khoa Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	011463/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	13/03/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
27.	Nguyễn Thị Nga	Khoa Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	008643/HP- CCHN	Thực hiện theo Quyết định số 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005	12/01/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
28.	Nguyễn Thị Ngọc	Khoa Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	013070/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày	18/04/2023	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
29.	Phạm Thị Huyền Thương	Khoa Khám bệnh	Cử nhân điều dưỡng	012562/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	06/05/2022	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
30.	Nguyễn Thị Hường	Khoa Nội tổng hợp 1	Cử nhân điều dưỡng	011153/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	22/09/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
31.	Nguyễn Thị Huyền Trang	Khoa Nội tổng hợp 1	Cử nhân điều dưỡng	012451/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy	15/02/2022	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
32.	Bùi Hà Trang	Khoa Nội tổng hợp 1	Cử nhân điều dưỡng	012480/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	08/03/2022	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
33.	Phạm Thị Thúy Lành	Khoa Nội tổng hợp 1	Cử nhân điều dưỡng	009081/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	01/07/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
34.	Phạm Thị Ánh	Khoa Nội tổng hợp 2	Cử nhân điều dưỡng	006243/HP-CCHN	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch điều	31/07/2014	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					dưỡng			
35.	Nguyễn Thị Ánh Hồng	Khoa Nội tổng hợp 2	Cử nhân điều dưỡng	011459/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	13/03/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
36.	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Khoa Nội tổng hợp 2	Cử nhân điều dưỡng	0008180/HD-CCHN	Thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của cử nhân điều dưỡng theo quy định tại thông tư liên tịch số 26/2014/TTLT-BYT-BNV	21/10/2019	Sở Y tế Hải Dương	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
37.	Phạm Thị Huyền Trang	Khoa Nội tổng hợp 2	Cử nhân điều dưỡng	011152/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	22/09/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

38.	Mai Thị Hồng	Khoa Tiêu hóa	Cử nhân điều dưỡng	002178/NĐ-CCHN	Thực hiện các kỹ thuật của điều dưỡng đại học	26/11/2013	Sở Y tế Nam Định	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
39.	Phạm Thị Mai	Khoa Tiêu hóa	Cử nhân điều dưỡng	002599/HP-CCHN	Dịch vụ y tế	28/10/2013	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
40.	Vũ Thị Thanh Huyền	Khoa Tiêu hóa	Cử nhân điều dưỡng	007139/HP-CCHN	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch điều dưỡng	07/07/2015	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
41.	Lương Thị Nga	Khoa Tiêu hóa	Cử nhân điều dưỡng	009914/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	07/08/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
42.	Lã Thị Thuy	Khoa Tiêu hóa	Cử nhân điều dưỡng	010816/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều	10/01/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					đưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
43.	Phạm Thị Ánh	Khoa Tiêu hóa	Cử nhân điều dưỡng	009993/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	12/09/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
44.	Bùi Thị Anh	Khoa Tiêu hóa	Cử nhân điều dưỡng	012644/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	15/06/2022	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
45.	Đặng Thị Hồng Nhưng	Khoa Tiêu hóa	Cử nhân điều dưỡng	012992/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều	01/02/2023	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
46.	Trần Thị Đào	Khoa Tim mạch	Cử nhân điều dưỡng	006419/HP- CCHN	Theo QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch điều dưỡng	29/09/2014	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
47.	Nguyễn Thị Cúc	Khoa Tim mạch	Cử nhân điều dưỡng	001767/HP- CCHN	Dịch vụ y tế	20/06/2013	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
48.	Lê Thị Bé	Khoa Tim mạch	Cử nhân điều dưỡng	010928/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	05/04/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
49.	Nguyễn Thị Trang	Khoa Tim mạch	Cử nhân điều dưỡng	006989/NĐ- CCHN	Thực hiện kỹ thuật của điều dưỡng đại học theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp	05/01/2021	Sở Y tế Nam Định	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					điều dưỡng			
50.	Nguyễn Văn Duy	Khoa Tim mạch	Cử nhân điều dưỡng	030192/BYT-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	30/09/2016	Bộ Y tế	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
51.	Bùi Thị Thương	Khoa Tim mạch	Cử nhân điều dưỡng	0008374/HD-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	18/10/2021	Sở Y tế Hải Dương	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
52.	Đặng Thị Thảo	Khoa Thần kinh – Đột quỵ	Cử nhân điều dưỡng	006020/HP-CCHN	Theo QĐ 41/2005/QĐ-BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch điều dưỡng	20/06/2014	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
53.	Trình Thị Năm	Khoa Thần kinh – Đột quỵ	Cử nhân điều dưỡng	010450/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy	30/05/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng



					định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
54.	Nguyễn Thị Mai Quỳnh	Khoa Thần kinh – Đột quỵ	Cử nhân điều dưỡng	010222/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	11/12/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
55.	Trần Hùng Trường	Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	Cử nhân điều dưỡng	009299/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	27/09/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
56.	Vũ Văn Chính	Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	Cử nhân điều dưỡng	009998/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu	30/09/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
57.	Nguyễn Thị Nguyệt	Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	Cử nhân điều dưỡng	010263/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	11/01/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
58.	Lưu Thị Trang	Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	Cử nhân điều dưỡng	010254/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	11/01/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
59.	Vũ Thị Hải Phượng	Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	Cử nhân điều dưỡng	009987/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức	12/09/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
60.	Đồng Thị Thảo	Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	Cử nhân điều dưỡng	008829/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	12/04/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
61.	Bùi Thị Mai Anh	Khoa Ngoại chấn thương chỉnh hình	Cử nhân điều dưỡng	012924/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	08/11/2022	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
62.	Nguyễn Thanh Thúy	Khoa Ngoại tổng hợp	Cử nhân điều dưỡng	006241/HP- CCHN	Theo QĐ 41/2005/QĐ- BNV ngày 22/4/2005 của BNV ngạch điều dưỡng	31/07/2014	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

63.	Phạm Thúy Hà	Khoa Ngoại tổng hợp	Cử nhân điều dưỡng	001650/HP-CCHN	Dịch vụ y tế	25/04/2013	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
64.	Nguyễn Thị Phương Thảo	Khoa Ngoại tổng hợp	Cử nhân điều dưỡng	011271/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	22/11/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
65.	Lương Thị Hạnh	Khoa Ngoại tổng hợp	Cử nhân điều dưỡng	012447/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	17/01/2022	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
66.	Nguyễn Thị Thanh Xuân	Khoa Ngoại tổng hợp	Cử nhân điều dưỡng	010252/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề	11/01/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					ng nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
67.	Phạm Thị Ánh Tuyết	Khoa Ngoại tổng hợp	Cử nhân điều dưỡng	012446/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	17/01/2022	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
68.	Phạm Quang Huy	Khoa Ngoại thận tiết niệu nam học	Cử nhân điều dưỡng	009400/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	29/11/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
69.	Vũ Thị Huệ	Khoa Ngoại thận tiết niệu nam học	Cử nhân điều dưỡng	010320/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều	23/03/2018	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
70.	Nguyễn Thị Hà	Khoa Ngoại thận tiết niệu nam học	Cử nhân điều dưỡng	010853/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	28/02/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
71.	Đào Thị Thanh Hà	Khoa Ngoại thận tiết niệu nam học	Cử nhân điều dưỡng	010216/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	11/12/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
72.	Nguyễn Thị Liên	Khoa Ngoại thận tiết niệu nam học	Cử nhân điều dưỡng	002594/HP- CCHN	Dịch vụ y tế	28/10/2013	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
73.	Lương Thị Ngân	Khoa Ngoại thận tiết niệu nam học	Cử nhân điều dưỡng	001049/HP- CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT- BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu	13/04/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
74.	Nguyễn Thị Ngọc Vân	Khoa Ngoại thận tiết niệu nam học	Cử nhân điều dưỡng	035442/BYT-CCHN	Thực hiện theo Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	14/09/2017	Bộ Y tế	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
75.	Vũ Thị Thu Hằng	Khoa Tai mũi họng	Cử nhân điều dưỡng	001671/HP-CCHN	Dịch vụ y tế	26/04/2013	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
76.	Nguyễn Thị Hải Đường	Khoa Tai mũi họng	Cử nhân điều dưỡng	011907/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	24/09/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
77.	Trần Thị Lan Hương	Liên chuyên khoa Răng hàm mặt – Mắt	Cử nhân điều dưỡng	011113/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày	05/08/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
78.	Nguyễn Thị Minh Phượng	Liên chuyên khoa Răng hàm mặt – Mắt	Cử nhân điều dưỡng	012597/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	27/05/2022	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
79.	Trình Thị Hiền	Khoa Ung bướu	Cử nhân điều dưỡng	012460/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	15/02/2022	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng
80.	Trần Thị Phương	Khoa Ung bướu	Cử nhân điều dưỡng	006344/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy	22/02/2017	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng

					định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
81.	Luu Thị Loan	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân điều dưỡng	009348/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	27/10/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng gây mê hồi sức
82.	Nguyễn Thị Nhân	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân điều dưỡng	009363/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	27/10/2016	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng gây mê hồi sức
83.	Trần Thị Thu Thảo	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân điều dưỡng	010993/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu	10/05/2019	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng gây mê hồi sức

					chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y			
84.	Bùi Minh Tâm	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân điều dưỡng	011328/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	30/01/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng gây mê hồi sức
85.	Đoàn Thị Mai Hương	Khoa Gây mê hồi sức	Cử nhân điều dưỡng	011327/HP-CCHN	Theo quy định tại Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 quy định mã số, tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y	30/01/2020	Sở Y tế Hải Phòng	Hướng dẫn thực hành cho đối tượng điều dưỡng gây mê hồi sức

Hải Phòng, ngày 08 tháng 07 năm 2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN

ĐA KHOA QUỐC TẾ HẢI PHÒNG

GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
TS.BSNT Hoàng Văn Dũng

TỔNG CÔNG TY HÀNG KÈNH - CTCP
BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ HẢI PHÒNG

PHỤ LỤC 02
SỐ LƯỢNG NGƯỜI THỰC HÀNH CÓ THỂ TIẾP NHẬN
ĐỂ HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH TẠI MỘT THỜI ĐIỂM
(Kèm theo Bản công bố số: 438/BCB-BVĐKQTHP ngày 08 tháng 07 năm 2026)

STT	Đối tượng thực hành	Thời gian thực hành	Số lượng người thực hành có thể tiếp nhận
1.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y khoa	12 tháng	15
2.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Y học dự phòng	12 tháng	05
3.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề Răng hàm mặt	12 tháng	05
4.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Nội khoa	12 tháng	15
5.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại khoa	12 tháng	10
6.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Da liễu	12 tháng	02
7.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Phục hồi chức năng	12 tháng	03
8.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Hồi sức cấp cứu	12 tháng	05
9.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Gây mê hồi sức	12 tháng	05
10.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh	12 tháng	10
11.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ung bướu	12 tháng	03
12.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Mắt	12 tháng	02
13.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Tai mũi họng	12 tháng	05
14.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Xét nghiệm	12 tháng	02



15.	Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Giải phẫu bệnh	12 tháng	02
16.	Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng	06 tháng	30
17.	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học	06 tháng	10
18.	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng	06 tháng	10
19.	Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học	06 tháng	10

Hải Phòng, ngày 08 tháng 07 năm 2026 *ue*

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
TS.BSNT *Hoàng Văn Dũng*



TỔNG CÔNG TY HÀNG KÊNH - CTCP
BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ HẢI PHÒNG

PHỤ LỤC 03
BẢNG THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM THỰC HÀNH
(Kèm theo Bản công bố số *488*/BCB-BVĐKQTHP ngày *08* tháng *7* năm 2026)

Đơn vị tính: tháng

STT	Đối tượng	Tổng thời gian thực hành	Hồi sức cấp cứu	Nội	Ngoại	Sản	Nhi	YHCT	Tâm thần	PHCN	TMH	RHM	Mắt	Da liễu	Ung bướu	GMH S	CDHA	XN
1.	Bác sĩ y khoa	12	3	1	1	1	1	1	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5	0,5			0,5	0,5
2.	Bác sĩ y học dự phòng	12	3	1,5	1	1	1	1		0,5	0,5	0,5	0,5	0,5			0,5	0,5
3.	Bác sĩ RHM	12	3									9						
4.	Bác sĩ nội khoa	12	3	9														
5.	Bác sĩ ngoại khoa	12	3		9													
6.	Bác sĩ da liễu	12	3											9				
7.	Bác sĩ phục hồi chức năng	12	3							9								
8.	Bác sĩ hồi sức cấp cứu	12	12															
9.	Bác sĩ chẩn đoán hình ảnh	12	3														9	
10.	Bác sĩ ung bướu	12	3												9			
11.	Bác sĩ gây mê hồi sức	12	3													9		
12.	Bác sĩ mắt	12	3										9					
13.	Bác sĩ tai mũi họng	12	3								9							

14.	Bác sĩ xét nghiệm	12	3														9
15.	Bác sĩ giải phẫu bệnh	12	3														9
16.	Kỹ thuật y hình ảnh y học	6	1													5	
17.	Kỹ thuật y xét nghiệm y học	6	1														5
18.	Kỹ thuật y phục hồi chức năng	6	1						5								
19.	Điều dưỡng	6	1	1,5	1,5						0,5	0,5	0,5	0,5			

Hải Phòng, ngày 18 tháng 7 năm 2026 *vd*

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

TS.BSNT *Hoàng Văn Dũng*

Số: 226 /QĐ-BVĐKQTHP

Hải Phòng, ngày 08 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho các chức danh chuyên môn tại Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hải Phòng

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA QUỐC TẾ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội khóa XV;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo – Quản lý chất lượng;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo thực hành khám bệnh, chữa bệnh cho các chức danh chuyên môn tại Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hải Phòng.

Điều 2. Các khoa, phòng, nhân viên y tế được phân công giảng dạy thực hành chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng nội dung hướng dẫn thực hành ban hành kèm theo quyết định này.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các khoa, phòng Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hải Phòng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Sở Y tế HP;
- Ban GD BV;
- Lưu TCHC, ĐT-QLCL



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
TS.BSNT Hoàng Văn Dũng

Hải Phòng, ngày 08 tháng 7 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH CHO CÁC CHỨC DANH CHUYÊN MÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 226 /QĐ-BVĐKQTHP ngày 08 / 7 /2026
của Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hải Phòng)

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ Y KHOA

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sĩ y khoa, bao gồm văn bằng tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sĩ y khoa.

- Người có văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sĩ y khoa theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề y khoa cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ đa khoa phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục V Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	3 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội (đi một trong các khoa: khoa Nội Tổng hợp 1, khoa Nội Tổng hợp 2, khoa Tim mạch, khoa Tiêu hóa, khoa Thần kinh – Đột quỵ)	1 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại (đi một trong các khoa: Khoa Tổng hợp, khoa Ngoại Thận tiết niệu – Nam học, khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình, khoa Ung bướu)	1 tháng
4	Sản khoa	Ký hợp đồng với Bệnh viện Quốc tế Sản Nhi Hải Phòng	1 tháng
5	Nhi khoa	Ký hợp đồng với Bệnh viện Quốc tế Sản Nhi Hải Phòng	1 tháng
6	Y học cổ truyền	Ký Hợp đồng với Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng	1 tháng
7	Tâm thần	Ký Hợp đồng với Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Hải Phòng	0,5 tháng

8	Răng Hàm Mặt	Đơn nguyên Răng Hàm Mặt thuộc Liên Chuyên Khoa Răng Hàm Mặt – Mắt	0,5 tháng
9	Mắt	Đơn nguyên Mắt thuộc Liên Chuyên Khoa Răng Hàm Mặt – Mắt	0,5 tháng
10	Da liễu	Đơn nguyên Da liễu thuộc khoa Khám bệnh	0,5 tháng
11	Tai mũi họng	Khoa Tai Mũi Họng	0,5 tháng
12	Phục hồi chức năng	Khoa Phục hồi chức năng	0,5 tháng
13	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	0,5 tháng
14	Xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm	0,5 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ Y HỌC DỰ PHÒNG

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sĩ y học dự phòng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sĩ y học dự phòng.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề y học dự phòng cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ đa khoa phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục VII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	3 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội (đi một trong các khoa: Khoa Tổng hợp 1, khoa Nội Tổng hợp 2, khoa Tim mạch, khoa Tiêu hóa, khoa Thần kinh – Đột quỵ)	1.5 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại (đi một trong các khoa: Khoa Ngoại Tổng hợp, khoa Ngoại Thận tiết niệu – Nam học, khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình, khoa Ung bướu)	1 tháng
4	Sản khoa	Ký hợp đồng với Bệnh viện Quốc tế Sản Nhi Hải Phòng	1 tháng
5	Nhi khoa	Ký hợp đồng với Bệnh viện Quốc tế Sản Nhi Hải Phòng	1 tháng
6	Y học cổ truyền	Ký Hợp đồng với Bệnh viện Y học cổ truyền Hải Phòng	1 tháng
7	Răng Hàm Mặt	Đơn nguyên Răng Hàm Mặt	0,5 tháng
8	Mắt	Đơn nguyên Mắt thuộc Liên Chuyên Khoa Răng Hàm Mặt – Mắt	0,5 tháng
9	Da liễu	Đơn nguyên Da liễu thuộc khoa Khám bệnh	0,5 tháng
10	Tai mũi họng	Khoa Tai Mũi Họng	0,5 tháng
11	Phục hồi chức năng	Khoa Phục hồi chức năng	0,5 tháng
12	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	0,5 tháng
13	Xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm	0,5 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ RĂNG HÀM MẶT

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng bác sĩ Răng Hàm Mặt, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ bác sĩ Răng Hàm Mặt.

- Người có văn bằng cử nhân y khoa do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ đại học và đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo bổ sung bác sĩ Răng Hàm Mặt theo quy định của Bộ trưởng Bộ Y tế.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề Răng Hàm Mặt cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn:

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ Răng Hàm Mặt phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh, chỉ định, kê đơn.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục VIII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	3 tháng
2	Răng Hàm Mặt	Đơn nguyên Răng Hàm Mặt thuộc Liên Chuyên Khoa Răng Hàm Mặt – Mắt	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.
- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.
- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.
- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

IV. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH ĐIỀU DƯỠNG VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ ĐIỀU DƯỠNG

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng cao đẳng điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng điều dưỡng.

- Người có văn bằng cử nhân điều dưỡng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân điều dưỡng.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Điều dưỡng với phạm vi hành nghề Điều dưỡng cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Vận dụng được các quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh và các quy định chuyên môn trong hoạt động điều dưỡng.

- Áp dụng được quy trình điều dưỡng trong chăm sóc người bệnh.

- Hiểu và thực hiện đúng các quy định về an toàn người bệnh, kiểm soát nhiễm khuẩn, quản lý chất lượng bệnh viện và quản lý hồ sơ bệnh án.

- Nhận biết được các dấu hiệu bất thường, diễn biến nặng của người bệnh để báo cáo và phối hợp xử trí kịp thời.

2.2. Kỹ năng

- Thực hiện tiếp nhận, nhận định, lập kế hoạch, thực hiện và lượng giá chăm sóc người bệnh theo quy trình điều dưỡng.

- Thực hiện thành thạo các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và các kỹ thuật điều dưỡng chuyên khoa theo phân công.

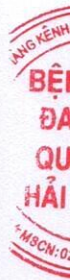
- Theo dõi, đánh giá tình trạng người bệnh; phát hiện sớm các dấu hiệu bất thường và báo cáo kịp thời cho bác sĩ điều trị.

- Thực hiện đúng quy trình sử dụng thuốc, truyền dịch và các biện pháp bảo đảm an toàn người bệnh.

- Ghi chép hồ sơ chăm sóc, hồ sơ bệnh án đầy đủ, chính xác theo quy định.

- Tư vấn, hướng dẫn giáo dục sức khỏe cho người bệnh và người nhà người bệnh.

- Phối hợp hiệu quả với bác sĩ và các nhân viên y tế khác trong quá trình điều trị và chăm sóc người bệnh.



2.3. Thái độ

- Tôn trọng người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp.
- Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp điều dưỡng và các quy định của bệnh viện.
- Có tinh thần trách nhiệm, trung thực, tận tụy và lấy người bệnh làm trung tâm.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình chăm sóc Điều dưỡng.
- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Phụ lục XII Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	1 tháng
2	Nội khoa	Khoa Nội (đi một trong các khoa: Khoa Nội Tổng hợp 1, khoa Nội Tổng hợp 2, khoa Tim mạch, khoa Tiêu hóa, khoa Thần kinh – Đột quỵ)	1,5 tháng
3	Ngoại khoa	Khoa Ngoại (đi một trong các khoa: Khoa Ngoại Tổng hợp, khoa Ngoại Thận tiết niệu – Nam học, khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình, khoa Ung bướu)	1,5 tháng
4	Răng Hàm Mặt	Đơn nguyên Răng Hàm Mặt	0,5 tháng
5	Mắt	Đơn nguyên Mắt thuộc Liên Chuyên Khoa Răng Hàm Mặt – Mắt	0,5 tháng
6	Da liễu	Đơn nguyên Da liễu thuộc Khoa Khám bệnh	0,5 tháng
7	Tai mũi họng	Khoa Tai Mũi Họng	0,5 tháng
Tổng thời gian thực hành			6 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Điều dưỡng Trưởng khoa hoặc trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành;

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ HÌNH ẢNH Y HỌC

1. Đối tượng thực hành

- Người có Văn bằng cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật hình ảnh y học.

- Người có Văn bằng cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật hình ảnh y học.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Hình ảnh y học cần đạt được:

2.1 Kiến thức

Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

Có kiến thức về phương pháp luận khoa học trong thực hành kỹ thuật, học tập, nghiên cứu khoa học.

2.2 Chuyên môn

Thực hiện các kỹ thuật ở các mức độ khác nhau về lĩnh vực hình ảnh y học: chụp X quang, cắt lớp vi tính, cộng hưởng từ; siêu âm; ghi hình phóng xạ, xạ trị và trợ giúp bác sĩ chuyên ngành thực hiện các kỹ thuật hình ảnh can thiệp đảm bảo chính xác, an toàn phóng xạ phục vụ yêu cầu chẩn đoán, điều trị cho bệnh nhân.

Nắm vững các thông số kỹ thuật thiết bị và thực hiện thành thạo các hoạt động bảo trì, bảo dưỡng trang thiết bị y tế.

Hiểu biết về pháp luật và chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Mục I Phụ lục XIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	1 tháng

2	Hình ảnh y học	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	5 tháng
Tổng thời gian thực hành			6 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.
- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.
- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.
- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.
- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.
- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.
- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

VI. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ XÉT NGHIỆM Y HỌC

1. Đối tượng thực hành

- Văn bằng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng kỹ thuật xét nghiệm y học.

- Văn bằng cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân kỹ thuật xét nghiệm y học.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Xét nghiệm y học cần đạt được:

2.1. Kiến thức

Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

Đủ năng lực thực hiện quy trình kỹ thuật xét nghiệm; các quy định về an toàn lao động, an toàn sinh học, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất và các trang thiết bị.

2.2. Chuyên môn

Nắm được nguyên lý, cơ chế các xét nghiệm, kiến thức cơ bản về hóa sinh miễn dịch, huyết học truyền máu, vi sinh - ký sinh trùng, tế bào - mô bệnh học thông thường phục vụ chẩn đoán và điều trị bệnh.

Nắm được nguyên tắc, phương pháp pha chế một số dung dịch chuẩn, thuốc nhuộm, thuốc thử, môi trường.

Nắm được các quy trình vô khuẩn, quy định về sử dụng hóa chất, sinh phẩm chuyên dụng, an toàn sinh học.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Mục II Phụ lục XIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	1 tháng
2	Xét nghiệm y học	Khoa Xét nghiệm	5 tháng

Tổng thời gian thực hành	6 tháng
---------------------------------	----------------

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.
- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.
- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.
- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.
- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.
- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.
- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

CHỖ CHỮ KÝ

VII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH KỸ THUẬT Y VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

1. Đối tượng thực hành

- Người có văn bằng cao đẳng kỹ thuật phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội công nhận tương đương văn bằng cao đẳng của ngành sau kỹ thuật phục hồi chức năng.

- Người có văn bằng cử nhân kỹ thuật phục hồi chức năng, bao gồm văn bằng tốt nghiệp do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận trình độ cử nhân của ngành phục hồi chức năng.

(Sau đây đối tượng thực hành được gọi là học viên)

2. Mục tiêu

- Sau khi thực hành 6 tháng đối với chức danh Kỹ thuật y với phạm vi hành nghề Phục hồi chức năng cần đạt được:

2.1. Kiến thức

Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

Đủ năng lực thực hiện quy trình kỹ thuật phục hồi chức năng cho những người có bệnh hoặc tác động của thương tổn. Thông qua các liệu pháp vật lý như nhiệt, thủy, vận động trị liệu,... giúp bệnh nhân khôi phục các chức năng vận động của cơ thể về thể chất và tinh thần, từ đó giúp họ tái hòa nhập cộng đồng dễ dàng, sử dụng, bảo dưỡng các trang thiết bị.

2.2. Chuyên môn

- Phòng ngừa, kiểm soát các cơn đau tối ưu.

- Phục hồi và cải thiện các chức năng vốn có về thể chất, tinh thần trong sinh hoạt hàng ngày.

- Duy trì chức năng hiện có, hướng dẫn các hoạt động cho bệnh nhân.

- Hỗ trợ bệnh nhân tái hòa nhập cộng đồng.

- Giảm tình trạng biến chứng, tác dụng phụ có thể xảy ra.

2.3. Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành

- Thực hiện các quy trình khám bệnh, chữa bệnh.

- Thực hiện danh mục kỹ thuật chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại Mục III Phụ lục XIV Thông tư số 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023 của Bộ Y tế.

4. Thời gian và địa điểm thực hành

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	1 tháng

2	Phục hồi chức năng	Khoa Phục hồi chức năng	5 tháng
Tổng thời gian thực hành			6 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ.

Hải Phòng, ngày 08 tháng 7 năm 2026

CHƯƠNG TRÌNH THỰC HÀNH CHO CÁC CHỨC DANH CHUYÊN MÔN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 226/QĐ-BVĐKQTHP ngày 08 / 7 /2026 của Bệnh viện
đa khoa Quốc tế Hải Phòng)

I. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA NỘI KHOA

1. Đối tượng thực hành

1.1. Bác sĩ đã có bằng CKI, CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Nội khoa nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Nội.

1.2. Bác sĩ có bằng CKI, CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Nội khoa nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Nội.

1.3. Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Nội.

1.4. Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ, tiến sĩ chuyên khoa Nội tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Nội theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

1.5. Trường hợp Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề được cấp trong đó đã có thời gian 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, thì thực hành thêm 09 tháng chuyên khoa Nội.

2. Mục tiêu: Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Nội cần đạt được:

2.1. Kiến thức

- Vận dụng các quy định của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, các quy định chuyên môn và quy định liên quan đến hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

- Cập nhật và áp dụng các hướng dẫn chẩn đoán, điều trị, chăm sóc người bệnh thuộc chuyên khoa Nội khoa.

- Phân tích, đánh giá và đưa ra quyết định lâm sàng phù hợp đối với các bệnh lý nội khoa thường gặp và bệnh lý nội khoa chuyên sâu.

- Nhận biết các tình trạng cấp cứu nội khoa, các biến chứng nặng và chỉ định xử trí hoặc chuyển tuyến phù hợp.

2.2. Kỹ năng chuyên môn

- Khai thác bệnh sử, thăm khám lâm sàng, chỉ định và phân tích kết quả cận lâm sàng phục vụ chẩn đoán bệnh.
- Chẩn đoán xác định, chẩn đoán phân biệt và xây dựng kế hoạch điều trị các bệnh lý thuộc chuyên khoa Nội khoa.
- Thực hiện các kỹ thuật chuyên môn thuộc phạm vi hành nghề chuyên khoa Nội khoa theo quy định của Bộ Y tế và phân công của cơ sở thực hành.
- Theo dõi, đánh giá đáp ứng điều trị, phát hiện và xử trí kịp thời các biến chứng trong quá trình điều trị.
- Thực hiện đầy đủ hồ sơ bệnh án, kê đơn, tư vấn, giáo dục sức khỏe và quản lý người bệnh.
- Phối hợp hiệu quả với các chuyên khoa liên quan trong công tác điều trị và chăm sóc người bệnh.

2.3 Thái độ

- Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp và quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.
- Tôn trọng người bệnh, người nhà người bệnh và đồng nghiệp.
- Thực hiện hành nghề chuyên môn trung thực, khách quan, an toàn và lấy người bệnh làm trung tâm.
- Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành: Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Nội khoa theo phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023

4. Thời gian và địa điểm thực hành

Thời gian thực hành: Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Nội 09 tháng; Hồi sức cấp cứu 03 tháng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	3 tháng
2	Nội	Khoa Nội (đi một trong các khoa: Khoa Tổng hợp 1, khoa Nội Tổng hợp 2, khoa Tim mạch, khoa Tiêu hóa, khoa Thần kinh – đột quỵ)	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

II. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA NGOẠI KHOA

1. Đối tượng thực hành

1.1 Bác sĩ đã có bằng CKI, CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Ngoại khoa nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Ngoại.

1.2 Bác sĩ có bằng CKI, CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Ngoại khoa nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Ngoại.

1.3 Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Ngoại.

1.4 Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ, tiến sĩ chuyên khoa Ngoại tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Ngoại theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

1.5 Trường hợp Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề được cấp trong đó đã có thời gian 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, thì thực hành thêm 09 tháng chuyên khoa Ngoại.

2. Mục tiêu: Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ngoại cần đạt được:

2.1 Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2 Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.
- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.
- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.
- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.
- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3 Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành: Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Ngoại khoa theo phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023

4. Thời gian và địa điểm thực hành

Thời gian thực hành: Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ngoại khoa 09 tháng; Hồi sức cấp cứu 03 tháng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	3 tháng
2	Ngoại	Khoa Ngoại (đi một trong các khoa: Khoa Ngoại Tổng hợp, khoa Ngoại Chấn thương chỉnh hình, khoa Ngoại Thận tiết niệu – nam học)	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;



III. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA DA LIỄU

1. Đối tượng thực hành

1.1 Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Da liễu nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Da liễu.

1.2 Bác sĩ có bằng CKI hoặc CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Da liễu nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Da liễu.

1.3 Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Da liễu.

1.4 Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ, tiến sĩ chuyên khoa Da liễu tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Da liễu theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

1.5 Trường hợp Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề được cấp trong đó đã có thời gian 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, thì thực hành thêm 09 tháng chuyên khoa Da liễu.

2. Mục tiêu: Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Da liễu cần đạt được:

2.1 Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2 Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.
- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.
- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.
- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.
- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3 Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành: Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Da liễu theo phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023

4. Thời gian và địa điểm thực hành

Thời gian thực hành: Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Da liễu 09 tháng; Hồi sức cấp cứu 03 tháng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	3 tháng
2	Da liễu	Đơn nguyên Da liễu thuộc Khoa Khám bệnh	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

IV. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA GÂY MÊ HỒI SỨC

1. Đối tượng thực hành

1.1 Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Gây mê hồi sức nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Gây mê hồi sức.

1.2 Bác sĩ có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Gây mê hồi sức nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Gây mê hồi sức.

1.3 Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Gây mê hồi sức.

1.4 Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ chuyên khoa Gây mê hồi sức tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Gây mê hồi sức theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

1.5 Trường hợp Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề được cấp trong đó đã có thời gian 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, thì thực hành thêm 09 tháng chuyên khoa Gây mê hồi sức.

2. Mục tiêu: Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Gây mê hồi sức cần đạt được:

2.1 Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2 Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.



- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.
- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.
- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.
- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.
- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3 Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành: Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Gây mê hồi sức theo phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023

4. Thời gian và địa điểm thực hành

Thời gian thực hành: Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Gây mê hồi sức 09 tháng; Hồi sức cấp cứu 03 tháng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	3 tháng
2	Gây mê hồi sức	Khoa Gây mê hồi sức	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.
- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.
- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

V. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA Ung BƯỚU

1. Đối tượng thực hành

1.1 Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Ung bướu nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Ung bướu.

1.2 Bác sĩ có bằng CKI hoặc CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Ung bướu nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Ung bướu.

1.3 Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Ung bướu.

1.4 Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ, tiến sĩ chuyên khoa Ung bướu tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Ung bướu theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

1.5 Trường hợp Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề được cấp trong đó đã có thời gian 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, thì thực hành thêm 09 tháng chuyên khoa Ung bướu.

2. Mục tiêu: Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Ung bướu cần đạt được:

2.1 Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2 Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.
- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.
- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.
- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.
- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3 Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành: Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Ung bướu theo phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023

4. Thời gian và địa điểm thực hành

Thời gian thực hành: Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Ung bướu 09 tháng; Hồi sức cấp cứu 03 tháng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	3 tháng
2	Ung bướu	Khoa Ung bướu	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

VI. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA MẮT

1. Đối tượng thực hành

1.1 Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Mắt nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Mắt.

1.2 Bác sĩ có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Mắt nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Mắt.

1.3 Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Mắt.

1.4 Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ chuyên khoa Mắt tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Mắt theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

1.5 Trường hợp Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề được cấp trong đó đã có thời gian 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, thì thực hành thêm 09 tháng chuyên khoa Mắt.

2. Mục tiêu: Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Mắt cần đạt được:

2.1 Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2 Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.
- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.
- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.
- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.
- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3 Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành: Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Mắt theo phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023

4. Thời gian và địa điểm thực hành

Thời gian thực hành: Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Mắt 09 tháng; Hồi sức cấp cứu 03 tháng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	3 tháng
2	Mắt	Đơn nguyên Mắt thuộc Liên Chuyên Khoa Răng Hàm Mặt – Mắt	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

VII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA TAI MŨI HỌNG

1. Đối tượng thực hành

1.1 Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Tai mũi họng nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Tai mũi họng.

1.2 Bác sĩ có bằng CKI hoặc CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Tai mũi họng nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Tai mũi họng.

1.3 Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Tai mũi họng.

1.4 Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ, tiến sĩ chuyên khoa Tai mũi họng tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Tai mũi họng theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

1.5 Trường hợp Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề được cấp trong đó đã có thời gian 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, thì thực hành thêm 09 tháng chuyên khoa Tai mũi họng.

2. Mục tiêu: Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Tai mũi họng cần đạt được:

2.1 Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2 Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3 Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành: Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Tai mũi họng theo phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023

4. Thời gian và địa điểm thực hành

Thời gian thực hành: Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Tai mũi họng 09 tháng; Hồi sức cấp cứu 03 tháng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	3 tháng
2	Tai mũi họng	Khoa Tai mũi họng	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

VIII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA PHỤC HỒI CHỨC NĂNG

1. Đối tượng thực hành

1.1 Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Phục hồi chức năng nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Phục hồi chức năng.

1.2 Bác sĩ có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Phục hồi chức năng nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Phục hồi chức năng.

1.3 Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Phục hồi chức năng.

1.4 Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ chuyên khoa Phục hồi chức năng tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa Phục hồi chức năng theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

1.5 Trường hợp Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề được cấp trong đó đã có thời gian 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, thì thực hành thêm 09 tháng chuyên khoa Phục hồi chức năng.

2. Mục tiêu: Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Phục hồi chức năng cần đạt được:

2.1 Kiến thức

- Trình bày được nguyên lý, vai trò và các phương pháp phục hồi chức năng trong điều trị bệnh.

- Trình bày được chỉ định, chống chỉ định, tai biến và cách xử trí tai biến của các phương pháp phục hồi chức năng.

- Phân tích được tình trạng suy giảm chức năng, khuyết tật và nhu cầu phục hồi chức năng của người bệnh.

- Trình bày được nguyên tắc phối hợp đa chuyên ngành trong điều trị và phục hồi chức năng.

2.2 Kỹ năng chuyên môn

- Khai thác bệnh sử, tiền sử và đánh giá chức năng người bệnh.

- Thực hiện khám lâm sàng chuyên khoa Phục hồi chức năng.

- Chỉ định, đọc và phân tích kết quả cận lâm sàng phục vụ chẩn đoán và điều trị.

- Chẩn đoán, lập kế hoạch điều trị và phục hồi chức năng cho người bệnh.

- Chỉ định và theo dõi thực hiện các kỹ thuật phục hồi chức năng phù hợp.

- Theo dõi diễn biến, lượng giá kết quả điều trị và điều chỉnh kế hoạch phục hồi chức năng.

- Thực hiện tư vấn, giáo dục sức khỏe và hướng dẫn người bệnh, người nhà tham gia quá trình phục hồi chức năng.

2.3 Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành: Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Phục hồi chức năng theo phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023

4. Thời gian và địa điểm thực hành

Thời gian thực hành: Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Phục hồi chức năng 09 tháng; Hồi sức cấp cứu 03 tháng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	3 tháng
2	Phục hồi chức năng	Khoa Phục hồi chức năng	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

IX. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA CHẨN ĐOÁN HÌNH ẢNH

1. Đối tượng thực hành

1.1 Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc CKII, thạc sĩ chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh.

1.2 Bác sĩ có bằng CKI hoặc CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành chẩn đoán hình ảnh nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh.

1.3 Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh.

1.4 Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ, tiến sĩ chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

1.5 Trường hợp Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề được cấp trong đó đã có thời gian 03 tháng thực hành hồi sức cấp cứu, thì thực hành thêm 09 tháng chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh.

2. Mục tiêu: Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh cần đạt được:

2.1 Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2 Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3 Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành: Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh theo phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023

4. Thời gian và địa điểm thực hành

Thời gian thực hành: Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Chẩn đoán hình ảnh 09 tháng; Hồi sức cấp cứu 03 tháng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	3 tháng
2	Chẩn đoán hình ảnh	Khoa Chẩn đoán hình ảnh – Thăm dò chức năng	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

X. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA XÉT NGHIỆM

1. Đối tượng thực hành

1.1 Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc CKII, thạc sĩ chuyên ngành xét nghiệm nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Xét nghiệm.

1.2 Bác sĩ có bằng CKI hoặc CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành xét nghiệm nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Xét nghiệm.

1.3 Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa Xét nghiệm.

1.4 Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ, tiến sĩ chuyên khoa xét nghiệm tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa xét nghiệm theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

1.5 Trường hợp Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề được cấp trong đó đã có thời gian 03 tháng thực hành Hồi sức cấp cứu, thì thực hành thêm 09 tháng chuyên khoa xét nghiệm.

2. Mục tiêu: Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa xét nghiệm cần đạt được:

2.1 Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2 Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.
- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.
- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.
- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.
- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3 Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành: Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Xét nghiệm theo phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023

4. Thời gian và địa điểm thực hành

Thời gian thực hành: Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Xét nghiệm 09 tháng; Hồi sức cấp cứu 03 tháng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	3 tháng
2	Xét nghiệm	Khoa Xét nghiệm	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.
- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.
- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

XII. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA HỒI SỨC CẤP CỨU

1. Đối tượng thực hành

1.1 Bác sĩ đã có bằng CKI, CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Hồi sức cấp cứu nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng Hồi sức cấp cứu.

1.2 Bác sĩ có bằng CKI, CKII hoặc thạc sĩ chuyên ngành Hồi sức cấp cứu nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng Hồi sức cấp cứu.

1.3 Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng Hồi sức cấp cứu.

1.4 Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ, tiến sĩ chuyên khoa Hồi sức cấp cứu tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa giải phẫu bệnh theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

2. Mục tiêu: Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa Hồi sức cấp cứu cần đạt được:

2.1 Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2 Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3 Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành: Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa Hồi sức cấp cứu theo phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023

4. Thời gian và địa điểm thực hành

Thời gian thực hành: Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa Hồi sức cấp cứu 12 tháng.

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	12 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.
- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.
- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;

XI. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO THỰC HÀNH KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH ĐỐI VỚI CHỨC DANH BÁC SĨ VỚI PHẠM VI HÀNH NGHỀ CHUYÊN KHOA GIẢI PHẪU BỆNH

1. Đối tượng thực hành

1.1 Bác sĩ đã có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Giải phẫu bệnh nhưng chưa có giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng chuyên khoa phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa giải phẫu bệnh.

1.2 Bác sĩ có bằng CKI hoặc thạc sĩ chuyên ngành Giải phẫu bệnh nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày được cấp văn bằng phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa giải phẫu bệnh.

1.3 Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề và có chứng chỉ chuyên khoa cơ bản nhưng chưa điều chỉnh giấy phép hành nghề trong vòng 24 tháng kể từ ngày hoàn thành thực hành phải thực hành 12 tháng trong đó 03 tháng thực hành hồi sức cấp cứu, 09 tháng chuyên khoa giải phẫu bệnh.

1.4 Bác sĩ đã có bằng thạc sĩ chuyên khoa giải phẫu bệnh tại các cơ sở đào tạo nước ngoài phải thực hành chuyên khoa giải phẫu bệnh theo quy định tại điều 129 Nghị định 96/2023/NĐ-BYT.

1.5 Trường hợp Bác sĩ đã có Giấy phép hành nghề được cấp trong đó đã có thời gian 03 tháng thực hành hồi sức cấp cứu, thì thực hành thêm 09 tháng chuyên khoa giải phẫu bệnh.

2. Mục tiêu: Sau khi thực hành 12 tháng đối với chức danh Bác sĩ với phạm vi hành nghề chuyên khoa giải phẫu bệnh cần đạt được:

2.1 Kiến thức

- Luật Khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, năng lực giao tiếp - cộng tác, các quy định liên quan thanh toán BHYT.

- Đủ năng lực thực hiện khám, chẩn đoán, điều trị bệnh thường gặp với chức danh chuyên môn.

- Phát hiện, chẩn đoán, tiên lượng bệnh cấp cứu, chuyển người bệnh đến cơ sở y tế phù hợp.

2.2 Kỹ năng chuyên môn

- Thực hiện thành thạo kỹ năng khám bệnh, chẩn đoán xác định và chẩn đoán phân biệt được các bệnh thường gặp, áp dụng được cách phân loại bệnh tật quốc tế ICD10.

- Xử trí các trường hợp cấp cứu thông thường và phát hiện được tình trạng nghiêm trọng đe dọa tính mạng để có can thiệp kịp thời, phù hợp.

- Ứng dụng các kiến thức, phương pháp, kỹ thuật và công nghệ mới trong chẩn đoán và điều trị phù hợp với thực tế.

- Đưa ra quyết định về chăm sóc người bệnh, sử dụng những bằng chứng tốt nhất hiện có một cách thấu đáo, rõ ràng, có sự thảo luận, thống nhất với người bệnh, người nhà, giảm tối đa các sai sót khi ra quyết định.

- Lập hồ sơ bệnh án cho người bệnh theo nguyên tắc lấy người bệnh làm trung tâm, không phân biệt đối xử.

- Thực hiện đúng các quy trình kỹ thuật, thủ thuật lâm sàng theo quy định của Bộ Y tế đối với bác sĩ y học cổ truyền phù hợp với quy định, tổ chức và các nguồn lực tại nơi làm việc.

- Theo dõi thường xuyên, phát hiện và xử trí kịp thời các tai biến trong quá trình chăm sóc, điều trị.

- Phát hiện những trường hợp bệnh vượt quá khả năng chuyên môn và tiến hành chuyển người bệnh đúng nơi, đúng tuyến, đúng thời điểm.

- Thông tin, giáo dục, truyền thông về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe, quản lý sức khỏe và đề xuất biện pháp quản lý sức khỏe tại cộng đồng.

2.3 Thái độ

Thực hiện các quy định về đạo đức nghề nghiệp, mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh, người nhà người bệnh, đồng nghiệp.

3. Nội dung thực hành: Thực hiện các danh mục kỹ thuật chuyên khoa giải phẫu bệnh theo phụ lục số IX Thông tư 32/2023/TT-BYT ngày 31/12/2023

4. Thời gian và địa điểm thực hành

Thời gian thực hành: Thời gian thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh Chuyên khoa giải phẫu bệnh 09 tháng; hồi sức cấp cứu 03 tháng

STT	Thực hành chuyên môn khám bệnh, chữa bệnh	Địa điểm thực hành	Thời gian thực hành (tháng)
1	Hồi sức cấp cứu	Khoa Cấp cứu – Hồi sức tích cực	3 tháng
2	Giải phẫu bệnh	Đơn nguyên Giải phẫu bệnh Khoa Xét nghiệm	9 tháng
Tổng thời gian thực hành			12 tháng

5. Hướng dẫn các văn bản quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh:

- Thời gian: Mỗi nội dung từ 2-4 giờ.

- Hình thức: Lồng ghép trong quá trình thực hành hoặc tham gia các buổi tập huấn của Bệnh viện.

- Nội dung: Hướng dẫn các quy định pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh; quy chế chuyên môn, đạo đức nghề nghiệp, an toàn người bệnh, kỹ năng giao tiếp và ứng xử của người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

6. Tổ chức đào tạo thực hành

- Bệnh viện tiếp nhận hồ sơ đăng ký hướng dẫn thực hành khám bệnh, chữa bệnh liên tục và đảm bảo đúng số lượng quy định theo chức danh chuyên môn. Hoàn thiện các thủ tục tiếp nhận và phân công người hướng dẫn thực hành cho các học viên.

- Thực hành luân phiên tại các khoa theo kế hoạch đào tạo thực hành và học viên phải thực hành đủ các nội dung trong chương trình đào tạo thực hành và chương trình tập huấn của Bệnh viện.

- Trưởng khoa lâm sàng, cận lâm sàng bố trí người hướng dẫn thực hành theo Quyết định phân công của Giám đốc Bệnh viện hỗ trợ, hướng dẫn học viên và phân công theo nhóm chăm sóc của khoa.

- Trong thời gian thực hành chuyên môn, người hướng dẫn thực hành yêu cầu học viên đọc trước, nêu ý kiến thảo luận về lý thuyết và quy trình kỹ thuật, sau đó thực hành dưới sự hướng dẫn, hỗ trợ của người hướng dẫn thực hành.

- Người hướng dẫn thực hành đưa ý kiến phản hồi về kết quả sau mỗi bài thực hành để học viên tiếp tục và hoàn thiện kỹ năng.

- Người hướng dẫn thực hành chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn cho người bệnh trong quá trình hướng dẫn thực hành.

7. Điều kiện hoàn thành quá trình thực hành của học viên

- Phải đảm bảo đủ thời gian đào tạo thực hành theo quy định của từng chuyên khoa.

- Kết thúc mỗi chuyên khoa người hướng dẫn thực hành phải đánh giá học viên có đạt kết quả thực hiện tốt các kỹ thuật chuyên môn có chữ ký xác nhận của Trưởng khoa.

- Sau khi hoàn thành thực hành và có kết quả đánh giá, nhận xét của người hướng dẫn thực hành đối với người thực hành. Giám đốc Bệnh viện cấp giấy xác nhận hoàn thành quá trình thực hành cho người thực hành theo Mẫu 07 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ;